

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 28: từ ngày 23/02/2026 đến ngày 01/03/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 KT thịt và các sp khác (Duyên) 3	Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4
	Chiều				Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (Phượng) 4
K11-DVTY P.E303	Sáng					
	Chiều				<i>Sinh hoạt lớp (Quyên)</i> 1 KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 3	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4
K10-KTDN K11-KTDN P.E305	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Kế toán DN 1 (Dung) 3	
	Chiều					Tin học kế toán (Q.Mai) 4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng					
	Chiều				<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1 Cây ăn quả (Huệ) 3	Kiểm dịch thực vật (Lịch) 4
TT65A1 P.B201	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 Tiếng anh (Linh) 3	Côn trùng CK (Huyền) 4
	Chiều					
TT65A3 P.B102	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 Tiếng anh (Linh) 3	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4
	Chiều					
LN65A	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1 Tiếng anh (Linh) 3	Tạo cây giống từ hạt (Tuyết) 4
	Chiều					
CN64A1 P.E203	Sáng					
	Chiều				<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 Quản trị kinh doanh (Thuý) 3	Ngoại sản (Vân) 4

CN65A1 P.B202	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i>	1	CD và ĐTH thú y (Lệ)	4
	Chiều				Giống vật nuôi (Quyên)	3		
CN65A3 P.B203	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i>	1	Tiếng anh (K.Nhung)	2
	Chiều				Tiếng anh (K.Nhung)	3	CD và ĐTH thú y (Vân)	2
CN65A4 P.E304	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i>	1	VSV - TN (Phượng)	4
	Chiều				VSV - TN (Phượng)	3		
KTDN64A1 P.E202	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i>	1	Phân tích HĐKD (Nga)	2
	Chiều				Kiểm toán (Hoa)	3	Kế toán HCSN (P.Thảo)	2
KTDN64A2 P.E204	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Thủy)</i>	1	Tin học kế toán (Q.Mai)	4
	Chiều				Phân tích HĐKD (Nga)	3		
KTDN65A1 P.B103	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i>	1	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
	Chiều				Kế toán DN 1 (Dung)	3		
KTDN65A2 P.B104	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i>	1	Kinh tế chính trị (Quế)	2
	Chiều				Giáo dục QP - AN (Mạnh)	3	Luật kinh tế (Huyền)	2
KTDN64B	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i>	1	TH KT trong DNSX (Mai)	4
	Chiều				TH KT trong DNSX (Mai)	3		
KTDN65B	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i>	1	Soạn thảo VB (Sơn)	4
	Chiều				Kế toán DN1 (T.Thảo)	4		
CNTT64A1 P.TH	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i>	1	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4
	Chiều				Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	3		
CNTT64A2 P.TH	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i>	1	SD các TBVP (Trường)	4
	Chiều				SD các TBVP (Trường)	3		
CNTT65A1 P.B205	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i>	1	Cấu trúc máy tính (Hà)	4
	Chiều				Cấu trúc máy tính (Hà)	3		

CNTT65A2 P.B204	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i>	1	Tiếng anh CN (Linh)	4
	Chiều				Cơ sở dữ liệu (Phương)	3		
ĐCN64A1 P.E103	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i>	1	Thiết bị điện gia dụng (Tuấn)	4
	Chiều				Thiết bị điện gia dụng (Tuấn)	3		
ĐCN64A2 P.E104	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i>	1	Trang bị điện (Đ.Đức)	4
	Chiều				Thiết bị điện gia dụng (Giáp)	3		
ĐCN64A3 P.E102	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i>	1	Trang bị điện (Nga)	4
	Chiều				Cung cấp điện (P.Anh)	3		
ĐCN 64B	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i>	1	Thiết bị điện gia dụng (Huân)	4
	Chiều				Thiết bị điện gia dụng (Huân)	3		
ĐCN65A1 P.E303	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i>	1	Máy điện (Giáp)	
	Chiều				Khí cụ điện (Đ.Đức)	3		
ĐCN65A2 P.E302	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i>	1	Đo lường điện (A.Đức)	4
	Chiều				Máy điện (Tuấn)	3		
ĐCN65B1	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (P.Anh)</i>	1	Máy điện (Huân)	4
	Chiều				Khí cụ điện (Dương)	3		
ĐCN65B2 P.E301	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (H.Anh)</i>	1	GD chính trị (Tài)	2
	Chiều				Máy điện (H.Anh)	3	GDTC (Hà)	2
ĐCN65B3 P.E101	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i>	1	GDTC (Thủy)	2
	Chiều				Đo lường điện (Nga)	3	GD chính trị (Thắm)	2
TL64	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i>	1	Máy đóng mở cửa van (N.Đức)	4
	Chiều				TB điện trong HTTL (Huyền)	3		
TL65	Sáng				<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i>	1	Bảo vệ MT (Hoà)	4
	Chiều				Vẽ KT thủy lợi (N.Đức)	3		

CBBQ64	Sáng								
	Chiều					Sinh hoạt lớp (Liên)	1	Kiểm tra chất lượng TS (Năm)	3
CBBQ65	Sáng					CB khô thủy sản (Liên)	3		
	Chiều					Sinh hoạt lớp (Liên)	1	CB đồ hộp thủy sản (Năm)	4
KTMTT64	Sáng					Vệ sinh XNCBTS (Liên)	3		
	Chiều								
KTMTT65	Sáng					Sinh hoạt lớp (Năm)	1	BDSCCB D.ME tàu thủy	3
	Chiều					Trang trí HĐLTT (Đồng)	3	(Đồng)	
KTMTT65	Sáng					Sinh hoạt lớp (Năm)	1	KT điện - điện lạnh (Đồng)	4
	Chiều					Trực ca (Trung)	3		
NTTS64	Sáng								
	Chiều					Sinh hoạt lớp (Liên)	1	Nuôi tôm sú TP (Ánh)	3
ĐKTB65	Sáng					Nuôi tôm sú TP (Ánh)	3		
	Chiều					Sinh hoạt lớp (Ánh)	1	Địa văn hàng hải 1 (Trung)	4
ĐKTB65	Sáng					Bảo vệ MT biển (Ánh)	3		
	Chiều								

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
TT64A2	Sáng	Chăn nuôi CK (Hoà) 4	Sinh hoạt lớp (Lịch) Kiểm dịch TV (Lịch) 1 4	Kiểm dịch TV (Lịch) 4
	Chiều	Cây ăn quả (Hương) 4	Cây ăn quả (Hương) 4	4
TT64A3 P.B204	Sáng	Cây ăn quả (Hương) 4	Sinh hoạt lớp (Huệ) Cây ăn quả (Hương) 1 4	Cây ăn quả (Hương) 4
	Chiều	Kiểm dịch TV (Huyền) 4	Kiểm dịch TV (Huyền) 4	Chăn nuôi CK (H. Nga) 4
TT65A2 P.B204	Sáng	Tiếng anh (K.Nhung) 4	Sinh hoạt lớp (Huệ) GD chính trị (Quế) 1 3	GDQP - AN (Mạnh) 4
	Chiều	GD thể chất (Hà) 4	Tin học (Tâm) 4	GDQP - AN (Mạnh) 4
CN64A2 P.B205	Sáng	Ngoại sản (Hưng) 4	Sinh hoạt lớp (Phượng) KT thịt và các sản phẩm khác (Phượng) 1 4	Ngoại sản (Hưng) 4
	Chiều	Trồng trọt cơ bản (Huệ) 4	Quản trị kinh doanh (Thủy) 4	Trồng trọt cơ bản (Huệ) 4

CN65A2 P.B205	Sáng	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Sinh hoạt lớp (Phượng)	1	GDQP - AN (Mạnh)	4
	Chiều	GD thể chất (Hà)	4	GD chính trị (Quế)	3		
				Tin học (Tâm)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu

HỌ TÊN

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 23/02/2026 đến ngày 01/03/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng				HĐTN (Nhưng) 1 Lịch sử (Hà) 3	Vật lý (Sơn) 4
	Chiều				GDKT và PL (Thủy) 2	Ngữ văn (Hằng) 2
VH63B3 P.B302	Sáng				HĐTN (Hà) 1 Hoá học (Hà) 3	Ngữ văn (Hằng) 4
	Chiều				GDKT và PL (Quý) 2	Toán (Quý) 2
VH63B4 P.B303	Sáng				HĐTN (Dự) 1 Lịch sử (Dự) 3	GDKT và PL (Quyên) 2 Toán (Nhưng) 2
	Chiều				GDKT và PL (Quyên) 2	Toán (Nhưng) 2
VH63B6 P.B304	Sáng				HĐTN (Hoà) 1 Vật lý (Hoà) 3	Toán (Nhưng) 2 Hoá học (Vân) 2
	Chiều				Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Tài) 2
VH63B7 P.B305	Sáng				HĐTN (Nga) 1 GDKT và PL (Nga) 3	Vật lý (Hoà) 2 Địa lý (Ngọc) 2
	Chiều				Toán (Quý) 2	GDKT và PL (Nga) 2
VH63B8 P.B301	Sáng				HĐTN (K.Nhưng) 1 Toán (Quý) 3	Ngữ văn (Hường) 2 GDKT và PL (Quyên) 2
	Chiều				Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quyên) 2

VH64B1	Sáng				HĐTN (Hàng) Ngữ văn (Hàng)	1 3	Lịch sử (Hà)	4
VH64B3 P.B306	Sáng				HĐTN (Vân) Địa lý (Thủy)	1 3	Ngữ văn (Chi) Toán (Dương)	2 2
VH64B4 P.E201	Sáng				HĐTN (H.Nga) Ngữ văn (Hà)	1 3	GDKT và PL (Thắm) Lịch sử (Hàng)	2 2
VH64B5 P.E202	Sáng				HĐTN (Dương) Toán (Dương)	1 3	Lịch sử (Hàng) Vật lý (Hoà)	2 2
VH64B6 P. E204	Sáng				HĐTN (H. Hà) Lịch sử (Hàng)	1 3	Sinh học (Phượng) Toán (Quý)	2 2
VH64B8 P.E203	Sáng				HĐTN (Phiên) Hoá học (Vân)	1 3	CĐ Lịch sử (Dự) Địa lý (Lực)	2 2
VH65B1	Chiều				HĐTN (Thủy) Toán (Hương)	1 3	Lịch sử (Hà)	4
VH65B2 P.E302	Chiều				HĐTN (Quỳnh) Toán (Dương)	1 3	Ngữ văn (H.Hà) Địa lý (Thủy)	2 2
VH65B3 P.E301	Chiều				HĐTN (Quý) Ngữ văn (Lý)	1 3	GDKT và PL (Thắm) CĐ Lịch sử (Dự)	2 2
VH65B4 P.E101	Chiều				HĐTN (Mạnh) Ngữ văn (Hường)	1 3	Toán (Quý) Ngữ văn (Hường)	2 2
VH65B5 P.B205	Chiều				HĐTN (Lực) Lịch sử (Hàng)	1 3	Toán (Dương) GDKT và PL (Nga)	2 2

TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

VH65B6 P.B204	Chiều				HĐTN (Linh) Địa lý (Phương)	1 3	Vật lý (Trung) Ngữ văn (Chi)	2 2
VH65B7 P.B104	Chiều				HĐTN (Phượng) Toán (Quảng)	1 3	GDKT và PL (Nga) Vật lý (Trung)	2 2
VH65B8 P.B202	Chiều				HĐTN (Hường) Địa lý (Lực)	1 3	Ngữ văn (Hường) GDKT và PL (Quế)	2 2
VH65B9 P.B203	Chiều				HĐTN (Hồng) Ngữ văn (Chi)	1 3	Ngữ văn (Chi) CĐ GDKT và PL (Thắm)	2 2
VH65B10 P.B103	Chiều				HĐTN (Thắm) GDKT và PL (Thắm)	1 2	Địa lý (Thuỷ) Lịch sử (Dự)	2 2
VH65B11 P.B201	Chiều				HĐTN (Quế) Ngữ văn (Hà)	1 4	GDKT và PL (Quế) Toán (Dương)	2 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu